TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Nga;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ánh L**, sinh năm 1997. Có mặt
Cư trú: Số nhà 34, tổ 11, ấp L 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Tuấn E**, sinh năm 1991. Vắng mặt
Cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Ánh L trình bày: Bà ông Nguyễn Văn Tuấn E cưới nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do chúng tôi tự tìm hiểu. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, chung sống 03 năm nhưng thời gian sau không còn hạnh phúc nữa, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn chung sống 2018 đến nay. Thấy tình cảm không còn tôi yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn Tuấn E.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc Hồ, sinh năm 12/12/2015 và Nguyễn Lê Ngọc Tuyết, sinh ngày 28/02/2018. Khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn: bà Nguyễn Văn Tuấn E đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tuấn E không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tuấn E về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn E đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông Tuấn E vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuấn E là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị Ánh L xin ly hôn với bà Nguyễn Văn Tuấn E. Ông Tuấn E có nơi cư trú tại ấp An Tịnh, xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Bà Lê Thị Ánh L và ông Nguyễn Văn Tuấn E xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà L và ông Tuấn E không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Tuấn E không thể hàn gắn được, mâu thuẩn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ánh L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Tuấn E là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: bà và ông Tuấn E có 02 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh năm 12/12/2015 và Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018. Hiện tại con chung 02 con chung đang sống với bà L. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Lê Ngọc H và Nguyễn Lê Ngọc T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 con chung cho bà L được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Tuấn E không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Tuấn E thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: bà L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông Tuấn E trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông Tuấn E vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh L.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Lê Thị Ánh L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tuấn E.

3. *Về quan hệ con chung:* Bà L được tiếp tục nuôi con 02 chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh năm 12/12/2015 và Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 28/02/201. Ông Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tuấn E không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Tuấn E thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: ghi nhận bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông Tuấn E trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông Tuấn E vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà L phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007855 ngày 08.01.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị Ánh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Tuấn E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.